**\*Giải thiêng thần tượng – dò tìm lại bản thể đã bị đánh cắp**

Bất kì văn bản nào cũng là “một quần thể những giả định của các văn bản khác” (Riffaterre) còn đối với R. Barthes đó là một “camera ghi tiếng vọng độc đáo” [**Văn học hậu hiện đại thế giới, tr.35**]. Mỗi văn bản là một liên văn bản có sự hòa trộn của những đoạn của các mã văn hóa cùng đan bện vào nhau, do đó không hiện thực nào thuộc văn hóa – lịch sử lại không được “biên tập lại” trong văn bản văn học. Nơi các văn bản cùng đụng độ, những tiếng nói đối thoại cùng vang lên thể hiện tư duy “nhận thức lại” các giá trị ở tác giả. Sự trở lại của yếu tố lịch sử - văn hóa không chỉ là phần viết lại lịch sử, mang tinh thần đối lưu văn hóa ở người viết bằng cái nhìn thời đại mà còn là cách các nghệ sĩ giải thiêng các thần tượng với ý nghĩa nhân văn nhất.

“Giải thiêng” là một khuynh hướng sáng tác của chủ nghĩa hiện đại và hậu hiện đại, với mục đích là “hóa giải” những điều thiêng liêng, huyền bí của sự vật, sự việc, đưa sự vật, sự việc trở về với bản chất thật, với đời sống bình thường. “Giải thiêng” là sự xóa bỏ tính chất thiêng liêng của một đối tượng nào đó, là làm cho hình tượng nào đó mất đi tính chất huyền thoại, sự trang nghiêm; làm mất đi giá trị, tư cách thần tượng, tính kiểu mẫu của đối tượng, khiến cho người ta không còn nể sợ, ngưỡng mộ, sùng bái, tin tưởng “đi theo” đối tượng đó nữa.

Trong văn học, “giải thiêng” là cách tái dựng hiện thực ở một góc độ khác, đưa tiền nhân về gần hơn với hậu thế, khai thác những khía cạnh con người đời thường của các thần tượng - vĩ nhân để hậu thế có cái nhìn toàn diện, biện chứng và dân chủ hơn về những thần tượng, những vấn đề lớn lao. Đó chính là ý nghĩa nhân văn của cảm hứng “giải thiêng” mà một số tác phẩm văn học, nghệ thuật đã chạm tới.

Nhân vật trở thành thần tượng mang tính siêu linh mà con người hằng tôn thờ, kính ngưỡng chính là thần thánh, tiên bụt tiếp đến là sư chùa với niềm tin tôn giáo linh thiêng. Qua thơ Nguyễn Bình Phương, những đấng tiên thiên ấy đã rũ bỏ cái vẻ hào quang lộng lẫy để trở về với những gì thật nhất. Bằng lối dẫn vào thi phẩm với màu sắc u huyền, sự hiện diện nhuốm màu phi thực diễn ra với “*Từ Linh Sơn mưa ra một cụ già/ Gậy trúc đầu rồng/ Chậm rãi tiến vào thị xã/ Không có phép màu xảy ra/ Không có phép màu xảy ra” (…).* Niềm tin bị đánh đổ để con người trực diện đối mặt với cuộc sống, tỉnh táo hơn trong các lựa chọn và chấp nhận cái giá của “tự do” hiện sinh bởi rằng thượng đế đã mất, phép màu chỉ là mơ mộng hảo huyền, con người mới thật sự là thượng đế sắp đặt nên cuộc đời mình.

Niềm tin tôn giáo siêu hình đã đánh tan những vết bụi trần ai vướng chân sư chùa trong cái nhìn kiêng nể, thần tượng tuyệt đối. Bởi thế, qua bao thế hệ, sư chùa trong ý nghĩ con người nào động dục, động tâm, thủ tiêu tận diệt những xúc cảm, những theo đuổi rất “người”. Nhưng trong con người đã gửi phần đời cho đức Phật vẫn không thể phủ nhận, đoạn tuyệt những gì là bản thể xác phàm. Một sự đi tìm cảm giác hay đắp bù những thiếu hụt của tâm hồn - Nguyễn Bình Phương nói với người đọc tiếng nói thầm bên trong cái nhân vị ấy “*Sư ông vào chùa xem chim Từ Quy/ Nó sắp sửa gọi nhau/ Gọi cái người không thương cho trót/ Bao nhiêu cây vẫn tự tròn/(…) Hoàng hôn bất tận/ Sư ông không về” (***Dằng dặc***).*

Quay ngược lại quá khứ vàng son của dân tộc, nhà thơ không khỏi không nhắc đến thời đại Lý – Trần khi Phật giáo trở thành tôn giáo chủ đạo, dự phần không nhỏ trong việc quyết định sự vững mạnh của nhà nước phong kiến. Và qua bao lần hưng phế, đổi thay lịch sử, hậu thế vẫn ngưỡng vọng về những thiền sư mang áo chân tu, với họ đạo với đời là một, bất biến, vĩnh hằng: “*Thuở Lý – Trần/ Lá Bồ Đề với tim các thiền sư là một”.* Và dành chonhững vị vua đĩnh đạc trị vị trên ngai vàng cái tín ngưỡng tuyệt đối – vua là những anh hùng, những con người trên cả con người. Nhưng anh hùng có phải luôn luôn chói lọi ánh hào quang? Nguyễn Bình Phương đã chỉ ra rằng, những anh hùng đôi khi phải “suốt đời thỏa hiệp”, không bao giờ dám bước qua lằn ranh bổn phận, nghĩa vụ, cương tỏa, cũng chỉ là một bi kịch lớn, bi kịch phải làm một anh hùng. Viết những dòng thơ ấy, giọng thơ không ngừng trăn trở, hoài nghi đã đánh thức phần ngủ quên trong chúng ta về sự toàn diện trong cách đánh giá về lịch sử để trả “thần tượng” về lại với nỗi niềm rất đời của mình*; “Áo bào mệt mỏi/ không qua được hàng rào định mệnh/ Những chiếc đinh/ Sừng sững/ Lạnh lùng/ Và ngạo nghễ. (***Những chiếc đinh).**

Bao sự thể bị đóng đinh làm đóng mòn khu nhận thức, gỡ bỏ chiếc đinh “ngạo nghễ” ấy đi, hậu thế sẽ thấy nhiều hơn bản chất cuộc sống, chiều sâu bản thể con người. Bên cạnh hình ảnh biểu tượng “chiếc đinh”, “chiếc gương” cũng là hình ảnh gợi nhiều suy tư ở người đọc khi ngắm nhìn lại gương mặt quá khứ. Đã có một thời dân tộc mình, cả xứ sở phương Đông ngoái nhìn lịch sử qua những chiếc gương trong. Chiếc gương – dấu gạch nối giữa quá khứ và hiện tại, cất giấu bí mật lịch sử, yểm bóng những anh hùng vốn lấp lánh hào quang nhưng lại sâu thẳm khó tri nhận bởi: “*Ngày thanh minh/ Những người chết đều đi vào gương/ Lúc soi, họ mỉm cười* (…). Thơ Nguyễn Bình Phương đả phá vào chiếc gương huyền thoại ấy để người đời thấu đạt những mơ mộng trần thế hay sự đánh tráo bản thể mà thực hiện chiến lược thời đại – phủ bóng quá khứ, lưu bài học lịch sử: “*Ngày thanh minh gương vỡ/ Hiện hình xứ sở này/ Xứ sở lo xa biết yểm Thánh Gióng trên trời, An Dương Vương dưới nước/ Yểm màu trong các mây/ Yểm nhân kiệt vào sông dài đá rộng/ Xứ sở ngự ở phương Đông/ Phương Đông mặt trời dâm dấp/ Phương Đông thanh long đao cong vút người trinh nữ chuyển thân làm thần giữ cửa/ Phương Đông những vị vua mang trong mình bệnh khớp tay nhão ướt chuẩn lệnh chu di tam tộc” (***Ngỏ lần ba**).

Ý niệm về cái vĩnh cửu, thiêng liêng không còn, chỉ còn phận người trong kiếp sống cô đơn, lẻ loi. Cùng với những chân dung anh hùng lịch sử, những đấng cứu thế thần bụt của đời sống tâm linh, trong thơ Nguyễn Bình Phương còn có sự hiện diện của những chân dung văn học từng chịu bi kịch bị đóng khung trong nhận thức con người về những gì riêng khác: *“Nguyễn Khuyến bị đóng vào mùa thu/ Hàn Mạc Tử bị đóng vào trăng/ Ai đóng lửa vào cây? Ai đóng/ Ai?”*

Và đặc biệt, Nguyễn Bình Phương dành sự quan tâm hơn cả đối với hai nhân vật văn học, một là tấm bi kịch oan khiên của lịch sử - Nguyễn Trãi và thứ hai là vị nữ sĩ dám đả phá quan niệm phong kiến một thời phải chịu mang cái nhìn kì thị về mẫu hình phụ nữ sắc sảo, khát tình. Dạt vào cõi vô thức, ngụp lặn vào “giấc mơ ban ngày”, qua “con mắt khép hờ” – cánh cửa tâm linh, nhà thơ được thị cận chân dung văn hóa và ghi lại tiếng nói chân thật của bản thể:

*“Qua con mắt khép hờ*

*Mặt trăng đi thẳng vào giấc ngủ*

*Cuối đường gặp ban mai bàng bạc*

*…*

*Ở đây có Nguyễn Trãi*

*Nguyễn Trãi bảo cuộc đời là dao và tre trúc*

*Sau đó im lặng dẫn ông đi xa mãi*

*Ở đây Hồ Xuân Hương ngừng lại*

*Bà dựng nhà bằng những cơn mưa”*

**(Mắt)**

Nguyễn Trãi - một nhà chính trị, nhà quân sự, nhà ngoại giao, nhà văn hóa, nhà văn, nhà thơ kiệt xuất, ông trở về từ thế kỷ XV chỉ nói với trăng một điều: “cuộc đời là dao và tre trúc”, rồi ông bước đi cùng im lặng. “Con người sống là phải hiên ngang, kiên cường, mạnh mẽ, chính trực như tre trúc, mặc khó khăn, gian nan, trắc trở như lưỡi dao sắc bén, cho dù có ngã xuống cũng bền bỉ gom góp sự sống vun chồi măng non” [..]. Hay cái “tre trúc” đó còn là những bẫy đời người rậm rịt giăng mắc mà mỗi người khi sống phải không ngừng “vẫy vùng” chống lại mặc những va chạm trầy xước thân mình bởi nơi mỗi vết thương rớm máu là cái nhân vị được khẳng định (đôi khi phải trả giá thật đắt). Đó là nữ sĩ Hồ Xuân Hương - bà chúa thơ Nôm: “Bà dựng nhà bằng những cơn mưa”, dựng mái ấm từ lạnh lẽo, dựng hạnh phúc bình yên bằng sóng gió, bão tố. Hình ảnh mặt trăng hay chính là sự phân thân của nhà thơ đã làm một cuộc phiêu lưu trong cõi mơ của chính mình, để khám phá bản thể của các nhân vật văn hóa đồng thời đào xới những vỉa tầng sâu kín trong ngóc ngách tâm hồn mình.

Con người là hữu hạn bởi con người là bất toàn dù là anh hùng. Trong mỗi con người có một “vùng tối” mà ta không thể rọi chiếu hết để phơi bày cái bản ngã và đối với nhân vật văn hóa – lịch sử điều đó càng không dễ nhưng thật cần thiết. Giễu nhại sự cả tin vào tín chất bất biến của con người, nhà thơ đã tìm thấy câu chuyện đời thường trong những câu chuyện lịch sử, đã nghe thấy tiếng nói bản thể sau những lí tưởng thời đại của con người “vĩ nhân”. Mọi sự phong kín đều trở nên nghi hoặc với những bí mật ẩn chìm mà văn học – mảnh đất của cái mới, của những chân lí luôn đứng trước nguy cơ bị phủ định; Thơ Nguyễn Bình Phương đã thực hiện một sự liên văn bản khi “Không gì tồn tại ngoài văn bản” (Grivel) mà đằng sau văn bản, chẳng có gì ngoại trừ các văn bản khác” [**Cái chết của tác giả của R. Barthes và một số liên hệ với tình thế văn học Việt Nam hiện nay, Phùng Gia Thế**]. Lịch sử được viết tiếp với những “khoảng trắng” bỏ ngõ, thần tượng văn hóa – lịch sử sẽ trở thành mẫu hình trong cái nhìn tôn kính của người đọc nhưng không phải lấp lánh chiếc áo khoác ngoài rộng lấp lánh. Những nghệ sĩ như Nguyễn Bình Phương đã không ngừng dệt nên những gam màu trầm cho chiếc áo ấy vừa hơn, hợp hơn trong nhãn quan người hiện đại. Những “trích dẫn” ấy từ đó lại tiếp tục dệt nên ở một văn bản khác, cú thế sự nhân rộng là vô cùng và văn bản được sống mãi với những cách tiếp cận mới ở người đọc.